**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ 1, NĂM HỌC 2021 -2022**

**TỔ: NGỮ VĂN- GDCD MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN - 12**

**I.Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

- Thời gian kiểm tra: 45 phút.

- Số câu trắc nghiệm: 28 câu- 7 điểm.

- Số câu tự luận : 02 câu- 3 điểm.

Ngày kiểm tra:……………………………………….

**II.Nội dung kiểm tra:** theo Kế hoạch giảng dạy, năm học: 2021-2022.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| 1-2-3 | Bài 1: Pháp luật và đời sống | II. Nội dung bài học  - Mục 1b. Đặc trưng cơ bản của pháp luật: *Hướng dẫn học sinh tìm ví dụ về đặc trưng cơ bản của pháp luật.*  - Mục 2. Bản chất của pháp luật: *Hướng dẫn học sinh tự học.*  - Mục 3a, 3b. Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị: *Học sinh tự học.*  -Mục 4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội: *Hướng dẫn học sinh tìm ví dụ về vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội .*  IV. Câu hỏi và bài tập  Câu hỏi/Bài tập 8: *Học sinh tự làm.* |
| 4-5-6 | Bài 2: Thực hiện pháp luật | II. Nội dung bài học  Mục 1c. Các giai đoạn thực hiện pháp luật: *Học sinh tự học.*  Mục 2b. Trách nhiệm pháp lí: *Hướng dẫn học sinh tìm ví dụ về trách nhiệm pháp lí và mục đích của việc áp dụng trách nhiệm pháp lí.* |
| 9-10-11-12 | Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật  Bài 4: Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội | II. Nội dung bài học  Mục 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật*: Học sinh tự học.*  II. Nội dung bài học  - Mục 1b, 2b, 3b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh: *Hướng dẫn học sinh lấy ví dụ về quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, bình đẳng trong lao động, bình đẳng trong kinh doanh.*  - Mục 1c, 2c, 3c. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình, trong lao động, trong kinh doanh: *Học sinh tự học.*  **Tích hợp các nội dung còn lại của bài 3 và bài 4 thành chủ đề dạy trong 4 tiết.** |
| 13-14 | Bài 5: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo | II. Nội dung bài học  - Mục 1a. Khái niệm dân tộc: *Học sinh tự học.*  - Mục 1d, 2d. Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo: *Học sinh tự học.*  IV. Câu hỏi và bài tập  Câu hỏi/bài tập 1, 4: *Học sinh tự làm.* |

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM.**

**Câu 1:** Hệ thống qui tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Qui định. B. Qui chế. C. Pháp luật. D. Quy tắc.

**Câu 2:** Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng A. tính tự giác của nhân dân. B. tiềm lực tài chính quốc gia.

C. quyền lực nhà nước. D. sức mạnh chuyên chính.

**Câu 3:** . Pháp luật do chủ thể nào dưới đây ban hành?

A. Do nhà nước ban hành. B. Do tổ chức ban hành.

C. Do cá nhân ban hành. D. Do địa phương ban hành.

**Câu 4:** Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức là thể hiện

A. tính quyền lực, bắt buộc chung. B. tính hiệu lực rộng rãi.

C. tính qui phạm phổ biến. D. tính hiệu lực khả thi.

**Câu 5:** Văn bản đòi hỏi diễn đạt phải chính xác, một nghĩa để công dân dễ hiểu và thực hiện đúng pháp luật là phản ảnh đặc trưng cơ bản nào?

A. Tính quyền lực, bắt buộc chung . B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.

C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 6:** Đặc trưng nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 7:** Giá trị công bằng, bình đẳng được thể hiện ở đặc trưng nào dưới đây?

A. Tính xác định chặt chẻ về mặt nội dung. B. Tính xác định chặt chẻ về mặt hình thức.

C. Tính quyền lực bắt buộc chung. D. Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 8:** Những quy tắc ứng xử chung được áp dụng ở nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội là một đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính quyền lực. D. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

**Câu 9:** Pháp luật là một trong những phương tiện để nhà nước thực hiện vai trò nào dưới đây?

A. Bảo vệ của cải. B. Bảo vệ cơ quan. C. Quản lí xã hội. D. Quản lí công nhân.

**Câu 10:** Việc đưa giáo dục pháp luật vào nhà trường nhằm thực hiện mục đích nào dưới đây?

A. Xây dựng pháp luật. B. Phổ biến pháp luật. C. Áp dụng pháp luật. D. Sửa đổi pháp luật.

**Câu 11:** Hiện nay, việc xây dựng tủ sách pháp luật trong nhà trường nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Ban hành pháp luật. B. Sửa đổi pháp luật. C. Phổ biến pháp luật. D. Thực hiện pháp luật.

**Câu 12:** Dựa vào nội dung nào dưới đây của pháp luật mà nhà nước có thể kiểm tra, kiểm soát được mọi hoạt động của mọi công dân?

A. Đặc trung của pháp luật. B. Bản chất của pháp luật.

C. Chức năng của pháp luật. D. Vai trò của pháp luật.

**Câu 13:** Quản lí bằng pháp luật là phương pháp quản lí dân chủ và hiệu quả nhất vì sao?

A. Pháp luật có tính bắt buộc chung. B. Pháp luật mang tính xã hội.

C. Pháp luật quan hệ với đạo đức. D. Pháp luật do Nhà nước ban hành.

**Câu 14:** Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hiệu quả, công dân sử dụng phương tiện nào dưới đây?

A. Pháp luật. B. Kế hoạch. C. Chính sách. D. Đạo đức.

**Câu 15:** Công dân đăng kí kinh doanh và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Điều này thể hiện vai trò nào dưới đây của pháp luật?

A.Để công dân sản xuất kinh doanh. B. Để công dân có quyền tự do hành nghề.

C. Để công dân tự do lựa chọn nghề nghiệp. D. Để công dân thực hiện quyền của mình.

**Câu 16:** Trên cơ sở qui định của pháp luật về trật tự, an toàn đô thị, các đội trật tự yêu cầu mọi người không được lấn chiếm vỉa hè là thể hiện vai trò nào dưới đậy?

1. Là công cụ quản lí đô thị hữu hiệu. B. Là hình thức cưỡng chế người vi phạm.
2. Là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội. D. Là hình thức đảm bảo trật tự đường phố.

**Câu 17:** Những hoạt động có mục đích làm cho các các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành những hành vi hợp pháp của công dân là thể hiện của nội dung nào dưới đây?

A. Ban hành pháp luật. B. Xây dựng pháp luật. C. Thực hiện pháp luật. D. Phổ biến pháp luật.

**Câu 18:** Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các

A. cá nhân, tổ chức. B. Xã hội loài người.

C. công ty độc quyền. D. Công dân công xã.

**Câu 19:** Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. sử dụng pháp luật. B. tuân thủ pháp luật. C. áp dụng pháp luật D. thi hành pháp luật

**Câu 20:** Sử dụng pháp luật là các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì pháp luật

A. khuyến khích làm. B. cho phép làm. C. quy định làm. D. bắt buộc làm.

**Câu 21:** Hình thức thực hiện nào của pháp luật quy định cá nhân, tổ chức chủ động thực hiện nghĩa vụ, làm những gì mà pháp luật qui định phải làm?

A. Áp dụng pháp luật. B. Tuân thủ pháp luật.

C. Thi hành pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

**Câu 22:** Việc cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. giáo dục pháp luật. D. tư vấn pháp luật.

**Câu 23:** Thi hành pháp luật là các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật

A. qui định phải làm. B. cho phép được làm. C. khuyến khích làm. D. động viên làm.

**Câu 24:** Việc các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của công dân là nội dung của hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 25:** Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là

A. thi hành pháp luật. B. tuân thủ pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. sử dụng pháp luật.

**Câu 26:** Tuân thủ pháp luật là việc các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà

A. xã hội kì vọng. B. pháp luật cấm. C. tập thể hạn chế. D. đạo đức chi phối.

**Câu 27:** Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

1. Tuân thủ pháp luật. B. Sử dụng pháp luật. C. Áp dụng pháp luật. D. Thi hành pháp luật.

**Câu 28:** Áp dụng pháp luật là các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể các các

A. cá nhân, tổ chức. B. xã hội loài người. C. công đồng làng xã. D. phong tục tập quán.

**Câu 29:** Vi phạm hành chính là những hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, vi phạm các qui tắc

A.quản lí nhà nước. B. đạo đức xã hội. C. lao động chân tay. D. lao động trí óc.

**Câu 30:** Những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm được qui định tại Bộ luật Hình sự là

A.vi phạm hình sự. B. vi phạm dân sự. C. vi phạm hành chính. D. vi phạm kỉ luật.

**Câu 31:** Hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các qui tắc quản lí nhà nước là

A.vi phạm hình sự. B. vi phạm dân sự. C. vi phạm hành chính. D. vi phạm kỉ luật.

**Câu 32:** Những hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước… do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ là vi phạm

A. hình sự. B. dân sự. C. hành chính. D. kỉ luật.

**Câu 33:** Theo quy định cùa pháp luật, người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi xâm phạm các quy tắc quàn lí nhà nước nhưng mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm

A. cẩn bảo lưu quan điểm cá nhân. B. phải chuyển quyền nhân thân.

C. cần hủy bỏ mọi giao dịch dân sự. D. phải chịu trách nhiệm hành chính.

**Câu 34:** Bồi thường thiệt hại về vật chất khi có hành vi xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân được áp dụng với người có hành vi vi phạm

A. hành chính. B. dân sự. C. hình sự. D. kỉ luật.

**Câu 35:** Hình thức khiển trách, cảnh cáo, chuyển công tác khác khi xâm phạm tới các quan hệ công vụ nhà nước do pháp luật hành chính bảo vệ được áp dụng với người có hành vi nào sau đây?

A. Vi phạm hành chính. B. Vi phạm hình sự. C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm kỉ luật.

**Câu 36:** Vi phạm dân sự là những hành vi vi phạm, xâm hại tới các quan hệ nào dưới đây?

A. Quan hệ sở hữu và quan hệ thân nhân. B. Quan hệ sở hữu và quan hệ tình cảm.

C. Quan hệ tài sản và quan hệ tình cảm. D. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

**Câu 37:** Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước… do pháp luật lao động và pháp luật

A. hình sự bảo vệ. B. hành chính bảo vệ. C. dân sự bảo vệ. D. giao thông bảo vệ.

**Câu 38:** Người có hành vi trái pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây.

A. Trách nhiệm hành chính. B. Trách nhiệm hình sự. C. Trách nhiệm dân sự. D. trách nhiệm kỉ luật.

**Câu 39:** Người vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm nào dưới đây?

A. Trách nhiệm hành chính. B. Trách nhiệm hình sự. C. Trách nhiệm dân sự. D. trách nhiệm kỉ luật.

**Câu 40:** Người có hành vi vi phạm hình sự phải chịu trách nhiệm

A. hình sự. B. hành chính. C. dân sự. D. kỉ luật.

**Câu 41:** Người làm nghề tự do thực hiện không đúng thời gian như thỏa thuận trong hợp đồng vận chuyển hành khách phải chịu trách nhiệm pháp lí nào sau đây?

A. Dân sự. B. Hình sự. C. Hành chính. D. Kỷ luật.

**Câu 42:** Người có năng lực trách nhiệm pháp lí vi phạm pháp luật dân sự khi tự ý thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Kinh doanh không đúng giấy phép. B. Thaỵ đổi kiến trúc nhà đang thuê.

C. Xả thải gây ô nhiễm môi trường. D. Chiếm dụng hành lang giao thông.

**Câu 43:** Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về

A. mọi tội phạm. B. tội phạm nghiêm trọng do cố ý.

C. tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. D. tội phạm do lỗi cố ý.

**Câu 44:** Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hành chính về vi phạm hành chính

A. do vô ý. B. do cố ý. C. do không biết. D. do lỗi người khác.

**Câu 45:** Theo quy định của pháp luật, người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước nhưng mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm

A. cần bảo lưu quan điểm cá nhân. B. cần hủy bỏ mọi giao dịch dân sự.

C. phải chuyển quyền nhân thân. D. phải chịu trách nhiệm hành chính.

**Câu 46:** Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A.Thực hiện pháp luật. B. Vi phạm pháp luật. C. Tuân thủ pháp luật. D. Trách nhiệm pháp lí.

**Câu 47:** Vợ chồng có quyền tự do lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo là bình đẳng

A. trong quan hệ nhân thân. B. trong quan hệ tài sản.

C. trong quan hệ việc làm. D. trong quan hệ nhà ở.

**Câu 48:** Việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh khi có sự bàn bạc, thỏa thuận giữa vợ và chồng thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

A. nhân thân. B.tài sản. C. giao dịch. D. giám hộ.

**Câu 49:** Vợ chồng cùng bàn bạc và thống nhất cách giáo dục con là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ

A. nhân thân. B. giáo dục. C. tài sản. D. gia tộc.

**Câu 50:** Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú là bình đẳng

A. trong quan hệ nhân thân. B. trong quan hệ tài sản.

C. trong quan hệ việc làm. D. trong quan hệ nhà ở.

**Câu 51:** Bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều phải A. sử dụng các dịch vụ bảo hiểm. B. tuyển dụng chuyên gia cao cấp.

C. kinh doanh đúng ngành, nghề đăng kí. D. nhập khẩu nguyên liệu tự nhiên.

**Câu 52:** Trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì mọi doanh nghiệp đều có quyền

A. tự chủ đăng kí kinh doanh. B. kinh doanh không cần đăng kí.

C. xin ý kiến chính quyền để kinh doanh. D. kinh doanh trước rồi đăng kí sau.

**Câu 53:** Mọi công dân khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp là nội dung quyền bình đẳng trong

A. tìm kiếm việc làm. B. tuyển dụng lao động.

C. lĩnh vực kinh doanh. D. đào tạo nhân lực.

**Câu 54:** Mọi doanh nghiệp có quyền lựa chọn quy mô kinh doanh là một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong

A. chính sách độc quyền. B. lĩnh vực kinh doanh.

C. chế độ ưu đãi. D. bảo trợ xã hội.

**Câu 55:** Công dân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tự do tìm việc làm phù hợp với khả năng của mình là thực hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực

A. đầu tư. B. quản lí. C. lao động. D. phân phối.

**Câu 56:** Công dân tự do sử dụng sức lao động của mình trong việc tìm kiếm, lựa chọn việc làm là thể hiện nội dung bình đẳng về

A. quyền tự do lao động. B. công bằng trong lao động.

C. hợp đồng lao động. D. thực hiện quyền lao động.

**Câu 57:** Hợp đồng lao động được giao kết giữa người lao động và

A. phòng thương binh xã hội. B. người sử dụng lao động.

C. ủy ban nhân dân quận. D. Tòa án nhân dân.

**Câu 58:** Theo qui định của pháp luật, lao động nữ được tạo điều kiện để thực hiện tốt chức năng làm mẹ là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa

A. nhà đầu tư và đội ngũ nhân công. B. lực lượng lao động và bên đại diện.

C. người sử dụng lao động và đối tác. D. lao động nam và lao động nữ.

**Câu 59:** Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn biện pháp thực hiện

A. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng. B. che dấu hành vi bạo lực.

C. kế hoạch hóa gia đình. D. ngăn cản mọi nghi lễ tôn giáo.

**Câu 60:** Theo quy định của pháp luật bình đẳng giữa cha mẹ và con được hiểu là cha mẹ có quyền và nghĩa vụ

A. cùng nhau đối với con. B. ngang nhau đối với con.

C. khác nhau đối với con. D. không bằng nhau đối với con.

**Câu 61:** Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

A. định đoạt tài sản công cộng. B. lựa chọn nơi cư trú.

C. bài trừ quyền tự do tín ngưỡng. D. cùng sử dụng bạo lực.

**Câu 62:** Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu, định đoạt và sử dụng là nói về quyền bình đẳng giữa vợ chồng trong

A. quan hệ nhân thân. B.quan hệ về tài sản.

C. việc nuôi dạy con cái. D. tìm kiếm việc làm.

**Câu 63:** Sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động là đề cập đến nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Hợp đồng kinh doanh. B. Hợp đồng lao động.

C. Hợp đồng kinh tế. D. Hợp đồng làm việc.

**Câu 64:** Khi giao kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động và người lao động phải tuân theo nguyên tắc

A. uy quyền. B. tự nguyện. C. gián tiếp. D. đại diện.

**Câu 65:** Nhà nước và người sử dụng lao động sẽ có chính sách ưu đãi đối với người lao động

A. có hiểu biết nhất định về nghề nghiệp. B. có trình độ chuyên môn, kĩ thuật cao.

C. có bằng tốt nghiệp đại học. D. có thâm niên công tác trong nghề.

**Câu 66:** Việc kí kết hợp đồng lao động cần căn cứ vào nguyên tắc nào dưới đây? A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng. B. Tự giác, trách nhiệm, tận tâm.

C. Dân chủ, công bằng, tiến bộ. D. Tích cực, chủ động, tự quyết.

**Câu 67:** Các doanh nghiệp cần thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây trong kinh doanh? A. Tự chủ kinh doanh. B. Chủ động tìm kiếm thị trường.

C. Nộp thuế và bảo vệ môi trường. D. Khai thác thị trường.

**Câu 68:** Mục đích của việc tạo ra một môi trường kinh doanh tự do, bình đẳng trên cơ sở pháp luật là A. xây dựng nền kinh tế ổn định. B. tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp.

C. thúc đẩy kinh doanh phát triển. D. tạo tiền đề cho thực hiện quyền của cá nhân tổ chức.

**Câu 69:** Theo quy định của pháp luật, công dân được tự do lựa chọn việc làm phù hợp với khả năng của mình là bình đẳng trong

A. thu hút đầu tư. B. quản lí nguồn nhân lực.

C. điều phối sản xuất. D. thực hiện quyền lao động.

**Câu 70:** Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và nghĩa vụ như nhau, nhưng mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ đó đến đâu phụ thuộc nhiều vào yếu tố nào sau đây của mỗi người? A. Khả năng về kinh tế, tài chính. B. Khả năng, điều kiện và hoàn cảnh.

C. Các mối quan hệ xã hội. D. Trình độ học vấn cao hay thấp.

**Câu 71:** Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi địa bàn cư trú. B. Xây dựng nguồn quỹ xã hội.

C. Đăng kí hồ sơ đấu thầu. D. Bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 72:** Trường hợp nào dưới đây thể hiện công dân bình đẳng về hưởng quyền?

A. Giữ gìn bí mật quốc gia. B. Chấp hành quy tắc công cộng.

C. Giữ gìn an ninh trật tự. D. Tiếp cận các giá trị văn hóa.

**Câu 73:** Khi tiến hành hoạt động kinh doanh, mọi công dân phải thực hiện điều nào sau đây là thể hiện sự bình đẳng về nghĩa vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nộp thuế đầy đủ theo quy định. | B. Cổ phần hóa tài sản doanh nghiệp. |
| C. Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lí. | D. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội. |

**Câu 74:** Theo quy định của pháp luật, bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều

A. được giảm nhẹ hình phạt. B. được đền bù thiệt hại.

C. bị xử lí nghiêm minh. D. bị tước quyền con người.

**Câu 75:** Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thay đổi địa bàn cư trú. B. Xây dựng nguồn quỹ xã hội.

C. Đăng kí hồ sơ đấu thầu. D. Bảo vệ an ninh quốc gia.

**Câu 76:** Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây?

A. Bình đẳng về thành phần xã hội. B. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

C. Bình đẳng tôn giáo. D. Bình đẳng dân tộc.

**Câu 77:** Phát biểu nào dưới đây là không đúng khi nói về việc hưởng quyền và làm nghĩa vụ của công dân trước pháp luật?

1. Quyền của công dân không tách rời các nghĩa vụ của công dân.
2. Mức độ sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ của mỗi người không giống nhau.
3. Trong cùng điều kiện, công dân được hưởng quyền và làm nghĩa vụ như nhau.
4. Công dân chỉ được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ khi đã đủ tuổi trưởng thành.

**Câu 78:** Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo là thể hiện quyền bình đẳng nào dưới đây?

A. Bình đẳng về thành phần xã hội. B. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ .

C. Bình đẳng tôn giáo. D. Bình đẳng dân tộc.

**Câu 79:** Bất kỳ công dân nào, nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều có phải bảo vệ Tổ quốc, kinh doanh phải nộp thuế. Điều này thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Công dân bình đẳng về quyền. B. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ.

C. Công dân bình đẳng về cơ hội. D. Công dân bình đẳng về trách nhiệm.

**Câu 80:** Mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ của mình là thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. Bình đẳng về kinh tế. D. Bình đẳng về chính trị.

**Câu 81:** Mọi công dân đều được hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật là biểu hiện công dân bình đẳng về nội dung nào dưới đây?

A. Quyền và trách nhiệm. B. Quyền và nghĩa vụ .

C. Nghĩa vụ và trách nhiệm. D. Trách nhiệm pháplí.

**Câu 82:** Công dân dù ở cương vị nào, khi vi phạm pháp luật đều bị xử lí theo quy định là thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Công dân bình đẳng về kinh tế. B. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí. D. Công dân bình đẳng về chính trị.

**Câu 83:** Việc xét xử các vụ án kinh tế trọng điểm ở nước ta hiện nay không phụ thuộc vào người đó là ai, giữ chức vụ gì, là thể hiện công dân bình đẳng về nội dung nào dưới đây?

A. Quyền trong kinh doanh. B. Nghĩa vụ trong kinh doanh.

C. Trách nhiệm pháp lí . D. Nghĩa vụ pháp lí.

**Câu 84:** Công dân bình đẳng về nghĩa vụ trước pháp luật khi thực hiện hành vi nào dưới đây ? .

A. Chủ động mở rộng quy mô ngành nghề. B. Nộp hồ sơ xin cấp phép kinh doanh.

C. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội. D. Đăng kiểm xe ô tô đúng thời hạn.

**Câu 85:** Quyền và nghĩa vụ của công dân được Nhà nước quy định ở đâu?

A. Chỉ thị, thông tư. B. Hiến pháp, luật.

C. Quyết định, chính sách. D. Nghị quyết, văn bản.

**Câu 86:** Việc Nhà nước bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước nhằm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vư

A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hóa. D. xã hội.

**Câu 87:** Bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc được hiểu là mọi công dân đều được tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia vào bộ máy nhà nước, tham gia góp ý về các vấn đề chung của cả nước không phân biệt giữa các

A. tôn giáo. B. dân tộc. C. chủng tộc. D. trình độ.

**Câu 88:** Các dân tộc Việt Nam được tham gia quản lí nhà nước và xã hội là biểu hiện quyền bình đẳng về

A. kinh tế. B. chính trị. C. văn hóa. D. giáo dục.

**Câu 89:** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong phạm vi nào đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển?

A. Trong một cộng đồng dân cư. B. Trong một khu vực.

C. Trong một lĩnh vực. D. Trong một quốc gia.

**Câu 90:** Khó khăn cơ bản nhất trong thực hiện quyền bình đẳng về kinh tế là các dân tộc

A. bất đồng về ngôn ngữ và trình độ văn hóa chênh lệch nhau. B. luôn kì thị và thiếu tôn trọng nhau trong hợp tác, phát triển.

1. có trình độ phát triển kinh tế và xã hội chênh lệch nhau.
2. hay cạnh tranh nhau trong việc tranh thủ các nguồn đầu tư.

**Câu 91:** Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển cho các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vì đây là những vùng

A. có lợi thế cạnh tranh trong phát triển kinh tế. B. có trình độ phát triển kinh tế còn thấp.

1. có đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. D. có trình độ sản xuất nông nghiệp còn thấp.

**Câu 92:** Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ vốn đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

A. truyền thông. B. tín ngưỡng. C. tôn giáo. D. kinh tế.

**Câu 93:** Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

A. văn hóa. B. tín ngưỡng. C. tôn giáo. D. giáo dục.

**Câu 94:** Các dân tộc được bình đẳng hưởng thụ một nền giáo dục, tạo điều kiện để các dân tộc khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. giáo dục.

**Câu 95:** Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. phong tục.

**Câu 96:** Hình thức tín ngưỡng có tổ chức với những quan niệm giáo lí thể hiện sự tín ngưỡng và các hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy là

A. tôn giáo. B. tín ngưỡng. C. cơ sở tôn giáo. D. hoạt động tôn giáo.

**Câu 97:** Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều này nói lên điều gì của bình đẳng giữa các dân tộc?

* 1. nghĩa. B. Nội dung. C. Điều kiện. D. Bài học.

**Câu 98:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

A. Là điều kiện thuận lợi để các dân tộc cùng nhau phát triển.

B. Là biện pháp hàng đầu để thúc đẩy các dân tộc đoàn kết với nhau.

C. Là cơ sở để đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết giữa các dân tộc.

1. Là chiến lược để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc.

**Câu 99:** Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? A. Tạo cơ sở cho các tôn giáo nhỏ có thể phát triển bình đẳng với tôn giáo lớn.

1. Góp phần phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc Việt Nam.
2. Là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.
3. Ngăn chặn hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá nhà nước.

**Câu 100:** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đại đoàn kết dân tộc, là sức mạnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Khẳng định này thể hiện:

A. mục đích của sự bình đẳng giữa các dân tộc. B. ý nghĩa của sự bình đẳng giữa các dân tộc.

C. mục tiêu của sự bình đẳng giữa các dân tộc. D. vai trò của sự bình đẳng giữa các dân tộc.

**Câu 101:** Ngày 27/7 hàng năm, nhà trường tổ chức cho học sinh đến viếng nghĩa trang các anh hùng liệt sĩ ở địa phương. Hoạt động này thể hiện điều nào dưới đây?

A. Hoạt động tín ngưỡng. B. Hoạt động mê tín dị đoan.

C. Hoạt động tôn giáo. D. Hoạt động công ích.

**Câu 102:** Hằng ngày, gia đình bà A đều thắp nhang cho ông bà tổ tiên. Việc làm của gia đình bà A thể hiện điều gì?

A. Hoạt động tín ngưỡng. B. Hoạt động mê tín dị đoan.

C. Hoạt động tôn giáo. D. Hoạt động công ích.

**Câu 103:** Theo quy định của pháp luật, tất cả các cơ sở tôn giáo hợp pháp đều được hưởng quyền nào sau đây?

A. Được pháp luật bảo hộ. B. Chia đều quyền lực.

C. Bảo mật tuyệt đối. D. Sùng bái địa vị riêng.

**Câu 104:** Các dân tộc ở Việt Nam đều có thành viên trong Quốc hội là thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Bình đẳng về chính trị. B. Hưởng phụ cấp khu vực.

C. Miễn phí mọi loại hình dịch vụ. D. Bài trừ quyền tự do tín ngưỡng.

**Câu 105:** Khẳng định nào sau đây *không thể hiện* bình đẳng giữa các tôn giáo?

A.Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật.

1. Các tôn giáo đều hoạt động trong khuân khổ của pháp luật.
2. Các tôn giáo lớn đều có quyền hơn tôn giáo nhỏ.
3. Các tôn giáo được pháp luật bảo hộ nơi thờ tự.

**Câu 106:** Khẳng định nào sau đây *không thể hiện* bình đẳng giữa các dân tộc?

A.Các dân tộc đều bình đẳng về chính trị.

1. Các dân tộc đều bình đẳng về kinh tế.
2. Các dân tộc lớn đều có quyền hơn dân tộc nhỏ.
3. Các dân tộc đều bình đẳng về văn hoá.

**Câu 107:** Việc Nhà nước ta có chính sách học bổng và ưu tiên học sinh người dân tộc thiểu số vào các trường cao đẳng, đại học là nhằm thực hiện bình đẳng ở nội dung nào dưới đây?

A. Giữa người trong tỉnh với nhau. B. Giữa các dân tộc.

C. Giữa các thành phần trong xã hội. D. Trong học sinh phổ thông.

**Câu 108:** Sau khi thông tư về quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và quản lý giáo dục các cấp của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành, ông X giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh T đã có văn bản hướng dẫn chỉ đạo thực hiện nội dung thông tư trên. Việc làm của ông X thể hiện đặc trưng nào của pháp luật

A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộcchung.

C.Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính giáo dục của pháp luật.

**Câu 109:** Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Xử phạt đối với hành vi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy vượt đèn đỏ. Quy định đó thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. B. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung.

C. Tính quy phạm phổ biến. D.Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 110:** Bạn A thắc mắc, tại sao cả Hiến pháp và Luật Giáo dục đều quy định công dân có quyền và nghĩa vụ học tập? Em sẽ sử dụng đặc trưng nào dưới đây của pháp luật để giải thích cho bạn A?

A. Tính quyền lực. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính bắt buộc chung.

**Câu 111:** Hiến pháp quy định “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”. Phù hợp với Hiến pháp, Luật Giáo dục khẳng định quy định chung: Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Sự phù hợp của Luật giáo dục với Hiến pháp thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Quy phạm phổ biến. B. Xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

C. Quyền lực, bắt buộc chung. D. Quy phạm pháp luật.

**Câu 112:** Chị H đang buôn bán bình thường thì bị đội quản lí thị trường lập biên bản xử lí vi phạm. Không đồng ý với hành vi xử phạt này, chị H đã làm đơn khiếu nại lên đội trưởng đội quản lí thị trường nên quyền lợi của chị đã được khôi phục. Trong trường hợp này, pháp luật thể hiện vai trò nào đối với công dân? A. Là công cụ hữu hiệu của công dân.

1. Là công cụ cần thiết của công dân.
2. Là phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
3. Là phương tiện để công dân bảo vệ nhu cầu cần thiết của mình.

**Câu 113:** Khi biết chị T mang thai, giám đốc công ty X đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng với chị, chị đã làm đơn khiếu nại lên ban giám đốc công ty. Giám đốc đã thu hồi quyết đinh.chị. Trong trường hợp này, pháp luật có vai trò như thế nào ?

A. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. B. Thực hiện nghĩa vụ hợp pháp của công dân.

C. Nhà nước quản lý công dân. D. Nhà nước quản lý các tổ chức.

**Câu 114:** Công ty sản xuất nước nước giải khát X đang kinh doanh có hiệu quả thì bị báo N đăng tin không đúng sự thật rằng nước giải khát của công ty X có chứa chất gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng. Trên cơ sở quy định của pháp luật, công ty X đã đề nghị báo N cải chính thông tin sai lệch này. Sự việc này cho thấy, pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

A. Pháp luật bảo vệ mọi quyền lợi của công dân.

B.Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

1. Pháp luật luôn đứng về phía người sản xuất kinh doanh.
2. Pháp luật bảo vệ mọi nhu cầu của công dân.

**Câu 115:** Ông K kinh doanh có hiệu quả nhưng kê khai doanh thu thiếu trung thực để giảm bớt tiền thuế phải nộp, làm thất thu cho nhà nước. Trên cơ sở pháp luật, Toà án đã xử phạt ông K và nhà nước đã thu được số tiền thuế phải nộp từ ông K. Trong trường hợp này, pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

A. Là phương tiện để nhà nước thực hiện việc làm.

1. Là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.
2. Là công cụ để phát triển kinh tế- xã hội.
3. Là công cụ để Toà án xử phạt người vi phạm.

**Câu 116:** M thương hoàn cảnh của A nhà nghèo nên đã lấy trộm tiền của H đem cho A và bị công an bắt. Vậy hành vi của M chưa thực hiện hình thức thực hiện pháp luật nào sau đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Sử dụng pháp luật.

C. Thi hành pháp luật. D. p dụng pháp luật.

**Câu 117:** Đến hạn nộp tiền điện mà X vẫn không nộp. Vậy X không thực hiện hình thức thực hiện pháp luật nào?

A. Thi hành pháp luật. B. Tuân thủ pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật. D. p dụng pháp luật.

**Câu 118:** Chị M chủ động làm thủ tục sang tên khi mua lại xe ô tô đã qua sử dụng của người khác là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Áp dụng Nghị định.

C. Thi hành pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

**Câu 119:** Chị Q sử dụng vỉa hè để bán hàng ăn sáng là không thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

**Câu 120:** Ông T gửi đơn tố cáo công ty Z thường xuyên xả chất thải chưa qua xử lí ra môi trường. Ông T đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật

**Câu 121:** Chị B tự nguyện dùng số tiền tiết kiệm của mình để hỗ trợ chi phí phẩu thuật cho trẻ em bị hở hàm ếch. Chị B đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

A. Áp dụng pháp luật. B.Phổ biến pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật. D.Thi hành pháp luật.

**Câu 122:** Tòa án nhân dân huyện X ra quyết định thuận tình li hôn cho vợ chồng anh N. Tòa án nhân dân huyện X đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây? A. Sử dụng pháp luật. B. Áp dụng pháp luật. C. Phổ biến pháp luật. D. Tuân thủ pháp luật.

**Câu 123:** Công ty tư nhân X bị cơ quan chức năng xử phạt và buộc phải khắc phục hậu quả về hành vi khai thác cát trái phép, gây sạt lở làm thiệt hại hoa màu của một số hộ dân. Công ty tư nhân X phải chịu trách nhiệm pháp lí nào sau đây?

A. Hành chính và dân sự. B. Ki luật và hành chính.

C. Dân sự và hình sự. D. Hình sự và kỉ luật.

**Câu 124:** Cán bộ xã X là ông M đã nhận 10 triệu đồng và làm giả hồ sơ để giúp ông D được hưởng che độ trợ cấp đặc biệt. Ông M đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

A. Hình sự và ki luật. B. Kỉ luật và dân sự.

C. Hình sự và dân sự. D. Hành chính và dân sự.

**Câu 125:** Anh C là chủ một cơ sở sản xuất đã làm giả hồ sơ thành lập công ty để lôi kéo chị M góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỷ đồng góp vốn của chi M, anh C bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị M đã tố cáo sự việc với cơ quan chức năng. Anh C phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

A. Hình sự và hành chính. B. Dân sự và hành chính.

C. Hình sự và dân sự. D. Hành chính và kỉ luật.

**Câu 126:** Chị H tự ý bán ngôi nhà mà hai vợ chồng tích góp được khi chồng đi công tác xa, vậy chị H đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nào dưới đây?

A. Thân nhân. B. Tình cảm. C. Tài sản. D. Nhân thân.

**Câu 127:** Sau khi kết hôn, anh A buộc vợ mình phải nghỉ việc để chăm sóc gia đình. Vậy anh A đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nào dưới đây?

A. Nhân thân. B. Việc làm. C. Tài sản riêng. D. Tình cảm.

**Câu 128:** Do phải chuyển công tác nên anh H đã bắt vợ mình phải chuyển gia đình đến ở gần nơi công tác mới của mình. Anh H đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về nội dung nào dưới đây? A. Tôn trọng, giữ gìn danh dự của nhau. B. Lựa chọn nơi cư trú.

C. Tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. D. Sở hữu tài sản chung.

**Câu 129:** Trong thời kì hôn nhân, ông A và bà B có mua một căn nhà. Khi li hôn, ông A tự ý bán căn nhà đó mà không hỏi ý kiến vợ. Việc làm đó của ông A đã vi phạm quan hệ nào dưới đây?

A. Sở hữu. B. Nhân thân. C. Tài sản. D. Hôn nhân.

**Câu 130:** Cùng làm việc một doanh nghiệp nhưng anh B có trình độ chuyên môn cao hơn nên được sắp xếp vào công việc với mức lương cao hơn C, việc làm trên là biểu hiện bình đẳng nào dưới đây?

A. Bình đẳng trong hợp đồng lao động. B. Bình đẳng trong thực hiện việc làm.

C. Bình đẳng trong tìm kiếm việc làm. D. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

**Câu 131:** Sau thời gian nghỉ thai sản, chị B đến công ty làm việc thì nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của giám đốc công ty. Trong trường hợp này, giám đốc công ty đã vi phạm nội dung nào dưới đây? A. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.

1. Quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
2. Quyền bình đẳng trong tự do sử dụng sức lao động.
3. Nguyên tắc tự do lựa chọn việc làm.

**Câu 132:** Giám đốc một khách sạn là ông A ép đầu bếp là chị H phải sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc để chế biến thức ăn cho khách. Vì chị H không đồng ý và dọa sẽ làm đơn tố cáo ông A nên ông A trì hoãn thanh toán tiền lương cho chị. ông A đã vi phạm quyền bình đẳng trong lao động ở nội dung nào sau đây?

A. Chính sách bảo vệ người dân. B. Chế độ ưu tiên lao động nữ.

C. Quy trình tuyển dụng nhân sự. D. Giao kết hợp đồng lao động.

**Câu 133:** Giám đốc một công ty là anh Y sử dụng 200 triệu đồng của cơ quan để cá độ bóng đá. Sợ trợ lí của mình là chị V phát hiện, anh Y kí quyết định điều chuyển chị V sang bộ phận sản xuất hóa chất độc hại mặc dù chị không đồng ý. Anh Y đã vi phạm quyền bình đẳng trong lao động ở nội dung nào sau đây?

A. Sử dụng dịch vụ bảo hiểm. B. Bảo vệ lợi ích kháchhàng.

C. Bảo lưu loại hìnhdoanhnghiệp. D. Giao kết hợp đồng lao động.

**Câu 134:** Do làm ăn ngày càng có lãi, doanh nghiệp tư nhân X đã quyết định mở rộng thêm quy mô sản xuất.

Doanh nghiệp X đã thực hiện quyền nào của mình dưới đây?

A. Quyền chủ động mở rộng quy mô kinh doanh. B. Quyền tự chủ đăng kí kinh doanh.

C. Quyền kinh doanh đúng ngành nghề. D. Quyền định đoạt tài sản.

**Câu 135:** Biết mình không đủ điều kiện nên anh A lấy danh nghĩa em trai mình là dược sĩ đứng tên trong hồ sơ đăng kí làm đại lí phân phối thuốc tân dược. Sau đó anh A trực tiếp quản lí và bán hàng. Anh A đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Cải tiến quy trình đào tạo. B. Thay đổi phương thức quản lí.

C. Chủ động giao kết hợp đồng. D. Tự chủ đăng kí kinh doanh

**Câu 136:** Chị V được cấp giấy phép kinh doanh mặt hàng văn phòng phẩm, nhờ bà Q môi giới chị V đã bán thêm một số hàng mỹ phẩm và được rất nhiều khách hàng ưa chuộng. Bức xúc anh P chủ cửa hàng mỹ phẩm bên cạnh tung tin chị V kinh doanh hàng giả, hàng nhái. Chị V đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Mở rộng thị trường kinh doanh. B. Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký.

C. Kinh doanh hàng kém chất lượng. D. Chủ động lựa chọn ngành, nghề kinh doanh.

**Câu 137:** Sau khi tiếp cận được một số bí quyết kinh doanh từ công ty Z, chị L đã tìm cách hợp pháp hóa hồ sơ rồi tự mở cơ sở riêng dưới danh nghĩa của công ty này. Chị L đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Tự chủ đăng kí kinh doanh. B. Phổ biến quy trình kĩ thuật,

C. Chủ động liên doanh, liên kết. D. Độc lập tham gia đàm phán.

**Câu 138:** Anh K là thủ quỹ của công ti G. Trong quá trình làm việc anh K đã thông đồng với anh T, kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của công ti để tiêu xài cá nhân. Anh Y, kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh K và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Do có quan hệ họ hàng với anh K nên giám đốc Q đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai dưới đây đã vi phạm pháp luật?

A. Anh K và giám đốc Q. B. Anh K và anh T.

C. Anh Y, anh K và anh T. D. Anh K, anh T và giám đốc Q.

**Câu 139:** Ông A giám đốc bệnh viện X cùng chị B trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh C phân phối. Khi bàn giao, anh D kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã kí kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông A. Sau đó, khi anh D đi công tác, theo chỉ đạo của ông A, chị B yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí?

A. Ông A, anh C và anh S. B. Chị B, ông A và anh C.

C. Ông A, anh C và anh D. D. Chị B, anh C, anh S và ông A.

**Câu 140:** Trong lúc X đang làm việc thì T đã lấy trộm điện thoại mang về nhà giấu. Điện thoại của X có cài định vị, do đó X phát hiện điện thoại của mình đang ở nhà T. X đã báo cho công an phường S và cùng công an phường S vào nhà T lục soát. Đang trong quá trình lục soát thì ông G bố của T đi làm về, các bên xảy ra cãi vã, ông G đã đánh X gây thương tích. Sự việc được báo lên cho công an huyện đến hiện trường giải quyết vụ việc.

Trong lúc công an đang lập biên bản thì chuông điện thoại reo. X đã tìm thấy điện thoại của mình dưới ghế ngồi phòng khách nhà T. Trong trường hợp trên những ai đã vi phạm pháp luật?

A. Ông G và T. B. X, T, ông G và công an phường S.

C. Chỉ có T vi phạm. D. X, T, và ông G.

**Câu 141:** Bà B kí hợp đồng chăm sóc vườn cây cho anh A với thời hạn 2 năm. Một lần anh A có đợt công tác xa nhà 5 ngày, bà B đã tự ý nghỉ việc và đi du lịch trong suốt thời gian đó. Nhận được thông tin do chị D là hàng xóm cung cấp, anh A đã chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn với bà B nên bị anh C là con rể của bà B đến tận trụ sở nơi anh A làm việc để gây rối. Vì việc xô xát giữa anh C và anh A gây mất trật tự nơi công cộng nên lực lượng chức năng đã lập biên bản xử phạt cả hai anh . Những ai sau đây vi phạm pháp luật hành chính?

A. Anh C , bà B và anh A. B. Bà B và anh A.

C.Bà B , anh C và chị D. D. Anh C và anh A.

**Câu 142:** Anh A, anh B và anh C là đồng nghiệp cùng thuê một căn hộ để ở. Phát hiện anh A bí mật sản xuất ma túy nhưng anh B im lặng vì còn nợ anh A số tiền 10 triệu đồng đã quá thời hạn mà chưa trả. Trong khi đó, anh C nghi ngờ anh D mua ma túy của anh A nên anh C tống tiền anh D nhưng không thành vì bị anh A phát hiện. Bức xúc anh A ép anh C phải ra khỏi nhà nhưng anh C không đồng ý nên anh A đã đập vỡ máy tính của anh C. Những ai sau đây đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự và dân sự?

A. Anh A , anh B và anh C. B. Anh A , anh B và anh D.

C. Anh A và anh B. D. Anh A và anh C.

**Câu 143:** Mặc dù xe khách đã hết chỗ ngồi nhưng anh K là tài xế vẫn cho chị H cùng chồng là anh Q lên xe. Bị ép phải ngồi ghép ghế để nhường chỗ cho chị H, anh P là hành khách kịch liệt phản đối, đòi lại tiền vé và bị anh T phụ xe nhổ bã kẹo cao su vào mặt. Do anh N không cho ngồi cùng ghế nên anh Q đã đấm vào mặt anh

N. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí?

A. Anh T, anh P và anh Q. B. Anh K, anh T, anh Q và anh N.

C. Anh K, anh P và anh T. D. Anh K, anh T và anh Q.

**Câu 144:** Bức xúc về việc anh H tự ý rút toàn bộ tiền tiết kiệm của hai vợ chồng để cá độ bóng đá, chị M vợ anh bỏ đi khỏi nhà. Thương cháu nội mới hai tuổi thường xuyên khóc đêm vì nhớ mẹ, bà S mẹ anh H gọi điện xúc phạm thông gia đồng thời ép con trai bỏ vợ. Khi chị M nhận quyết định li hôn, ông G bố chị đến nhà bà S gây rối nên bị chị Y con gái bà đuổi về. Những ai dưới đây đã vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

A. Anh H, chị M và bà S. B. Chị M, bà S, ông G và chị Y.

C. Anh H, chị M và ông G. D. Anh H, chị M, bà S và ông G.

**Câu 145:** Biết chuyện chồng mình là anh P có quan hệ tình cảm bất chính với đồng nghiệp là chị K, chị V đã kể lại sự việc với mẹ đẻ là bà N. Tức giận, bà N đã thuê anh G đến đánh chị K trọng thương còn chị V rút toàn bộ số tiền hai vợ chồng tiết kiệm để cất giữ. Sự việc bị phát hiện nên chồng chị K là anh U đang xuất khẩu lao động ở nước ngoài đã gửi đơn li hôn ra tòa. Những ai dưới đây vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân gia đình?

A. Anh P, chị K và chị V. B. Anh P, bà N và anhG.

C. Anh G, bà N vàchịV. D. Anh G, chị K và anhU

**Câu 146:** Tại cuộc họp tổ dân phố X, vì bà P tố cáo việc ông S nhập khẩu trái phép tôm càng đỏ nên ông S đã đánh bà P bị ngất xiu. Thấy vậy, chủ tọa là ông C đã tạm dừng cuộc họp và đề nghị anh B, là y tá đồng thời là người duy nhất có xe ô tô, đưa bà P đi cấp cứu. Nhưng do có mâu thuẫn cá nhân từ trước, anh B đã từ chối đề nghị của ông C, buộc ông phải gọi xe cứu thương đưa bà P đến bệnh viện. Những ai sau đây đã sử dụng pháp luật?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bà P và ông C. | B. Anh B, bà P và ông C. |
| C. Ông S, ông C và bà P. | D. Ông S và anh B. |

**Câu 147:** Chị P thuê ông M là chủ một công ty in làm bằng đại học giả rồi dùng bằng giả đó đăng kí kinh doanh thuốc tân dược. Đồng thời, chị P tiếp cận với ông T là lãnh đạo cơ quan chức năng nhờ giúp đỡ mình và loại hồ sơ của chị K cũng đang xin đăng kí kinh doanh thuốc tân dược. Sau khi nhận của chị P năm mươi triệu đồng, ông T đã loại hồ sơ hợp lệ của chị K và cấp giấy phép kinh doanh cho chị P. Những ai dưới đây vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Chị P, ông M và ông T. B. Chị P, ông M và chị K.

C. Chị P, ông M, ông T và chị K. D. Chị P, chị K và ông T.

**Câu 148:** Chị N lãnh đạo cơ quan chức năng tiếp nhận hai bộ hồ sơ xin mở văn phòng công chứng của ông A và ông B. Nhận của ông A năm mươi triệu đồng, chị N đã loại hồ sơ đầy đủ của ông B theo yêu cầu của ông A rồi cùng anh V nhân viên dưới quyền làm giả thêm giấy tờ bổ sung vào hồ sơ và cấp phép cho ông A. Phát hiện anh V được chị N chia tiền để làm việc này, ông B tung tin bịa đặt chị N và anh V có quan hệ tình cảm khiến uy tín của chị N giảm sút. Những ai dưới đây vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh? A. Ông A, anh V, chị N và ông B. B. Ông A, chị N và ông B.

C. Ông A, anh V và chị N. D. Chị N, anh V và ông B.

**Câu 149:** Trên cùng một địa bàn, khách sạn của chị X và khách sạn của chị Y đều chưa trang bị đầy đủ thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng quy định. Trong một lần kiểm tra, phát hiện sự việc trên nhưng ông Z là cán bộ có thẩm quyền chỉ lập biên bản xử phạt chị X mà bỏ qua lỗi của chị Y vì chị Y là em họ của ông. Biết chuyện, em trai chị X là anh A làm nghề tự do đã bịa đặt việc chị Y sử dụng chất cấm để chế biến thức ăn khiến lượng khách của chị Y giảm sút. Những ai sau đây vi phạm quyền bình đẳng trong kinh doanh?

A. Chị X, ông Z và anh A. B.Chị Y, chị X và anh A.

C. Chị X, chị Y và ông Z . D. Chị Y, ông Z và anh A.

**II.PHẦN TỰ LUẬN**

* Vận dụng kiến thức của bài 1, bài 2 và chủ đề (bài 3, bài 4) để giải quyết tình huống pháp luật.

**……….Hết………**